

Số: 3311514

|                                            | NEW PEUGEOT 3008 ALLURE      | NEW PEUGEOT 2008 PREMIUM |
|--------------------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>929.000.000đ</b>          | <b>849.000.000đ</b>      |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                              |                          |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4510 x 1850 x 1650           | 4300 x 1785 x 1580       |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2730                         | 2605                     |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5200                         | 5400                     |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 165                          | 185                      |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1450                         | 1225                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1900                         | 1730                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 520                          | 434                      |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 53                           | 44                       |
| Số chỗ ngồi                                | 5                            | 5                        |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước             | SX-LR trong nước         |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                              |                          |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM                       | Efficient Modular Platform   | Common Modular Platform  |
| Loại động cơ                               | 1.6L Turbo High Pressure     | 1.2L Turbo Puretech      |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1599                         | 1199                     |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 165 @ 6000                   | 133 @ 4000 - 6000        |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 245 @ 1400-4000              | 230 @ 1750 - 3500        |
| Hộp số                                     | 6AT                          | 6AT                      |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)              | Cầu trước (FWD)          |
| Hệ thống treo trước                        | Độc lập Mc Pherson           | Độc lập Mc Pherson       |
| Hệ thống treo sau                          | Bán độc lập                  | Thanh xoắn               |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                          | Đĩa                      |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                          | Đĩa                      |
| Thông số lốp xe                            | 225/55 R18 (Los Angeles)     | 215/60 R17               |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8,73                         | 8,9                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 6,26                         | 5,8                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 7,16                         | 7,0                      |
| Chế độ lái                                 | Normal/Sport/Manual          | Eco/Normal/Sport/Manual  |
| Chế độ địa hình                            | Normal/Snow/Mud/Sand/ESP Off |                          |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                              |                          |
| Cụm đèn trước                              | LED                          | LED                      |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                            | ●                        |
| Đèn ban ngày LED                           | ● (Nanh sư tử)               | ● (Dạng móng vuốt sư tử) |
| Cụm đèn sau                                | LED                          | LED                      |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                            | ●                        |
| Gạt mưa tự động                            | ●                            | ●                        |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                              |                          |
| Vô lăng bọc da                             | ●                            | ● (D-Cut trên dưới)      |
| Chất liệu ghế                              | Da                           | Da                       |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                            | ●                        |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                            | ●                        |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                            | ●                        |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 12.3 Inch                    | 10-inch hiệu ứng 3D      |
| Màn hình giải trí trung tâm                | 8 Inch                       | 10-inch                  |

|                                         |                            |                          |
|-----------------------------------------|----------------------------|--------------------------|
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto      | ●                          | Apple Carplay/MirrorLink |
| Hệ thống điều hòa tự động               | ●                          | ●                        |
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 2                          | 1                        |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●                          | ●                        |
| Chìa khóa thông minh                    | ●                          | ●                        |
| Khởi động nút bấm                       | ●                          | ●                        |
| Hệ thống âm thanh                       | 6 loa                      | 6 loa                    |
| Lấy chuyển số                           | ●                          |                          |
| Sạc không dây Qi                        | ●                          |                          |
| Phanh đỗ điện tử                        | ●                          | ●                        |
| Đèn trang trí nội thất                  | ●                          | ●                        |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | ●                          | ●                        |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |                            |                          |
| Số túi khí                              | 6                          | 6                        |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●                          | ●                        |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●                          | ●                        |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●                          | ●                        |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●                          | ●                        |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●                          | ●                        |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●                          |                          |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Sau                        | Trước & Sau              |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●                          | ●                        |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●                          | ●                        |
| Camera lùi                              | Camera 360 độ + (Ghi hình) | ● (Giả lập 360 độ)       |